

Bản án số: 38 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Khết và bà Quàng Thị Hoà.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2025/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lò Thị D; Nơi cư trú: bản Lọng Bong, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bị đơn: anh Tòng Văn P; Nơi cư trú: bản Lọng Bong, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 và biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Lò Thị D trình bày: chị D và anh P, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, anh chị đã có hai người con chung là cháu Lò Văn Ph, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 28/6/2014, hiện tại chị không có thai; đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P nghiện ma túy, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên đã sống ly thân từ năm 2023, nay tình cảm không còn chị D xin được ly hôn, phân chia trách nhiệm nuôi con chung là cháu Lò Văn Ph và cháu Lò Thị Ph; về tài sản chung chị D và anh P không yêu cầu giải quyết; chị D và anh P không vay nợ ai.

Tại bản tự khai anh Tòng Văn P trình bày: anh P chung sống với chị D có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2014, cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn như chị D ý kiến nhưng anh P không nhất trí ly hôn. Do đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La nên anh P nhất trí giao con chung là

cháu Lò Văn Ph và cháu Lò Thị Ph cho chị D nuôi dưỡng chăm sóc; tài sản chung không yêu cầu giải quyết; quá trình chung sống không vay nợ của ai. Anh Tòng Văn P đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 05/3/2025 cháu Lò Văn Ph và cháu Lò Thị Ph có nguyện vọng xin ở với chị D.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/3/2025 chị Lò Thị D giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, anh P không có mặt nên chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Ý kiến tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lò Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Tòng Văn P và phân chia trách nhiệm nuôi con chung, theo nguyện vọng chị D xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung; chị D xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Tòng Văn P đề nghị xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn xin vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên chấp nhận cho chị Lò Thị D ly hôn với anh Tòng Văn P; giao cháu Lò Văn Ph và cháu Lò Thị Ph cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn chị Lò Thị D khởi kiện đối với bị đơn anh Tòng Văn P có nơi cư trú bản Lọng Bong, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Tòng Văn P đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H là sự thật và quan hệ hôn nhân được xác lập hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D thấy: cuộc sống chung giữa chị D và anh P có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P không có trách nhiệm với gia đình, sử dụng trái phép chất ma túy và hiện tại đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 256/QĐ-TA ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện M; từ năm 2023 anh chị đã sống ly thân đến nay nên xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của chị D là sự thật, có căn cứ phù hợp với ý kiến của anh P về nguyên nhân mâu thuẫn. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh P thực sự không còn, quyền bình đẳng trong gia đình bị hạn chế, tình nghĩa vợ chồng không bảo đảm, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng giải phóng cho anh chị để ổn định cuộc sống về sau cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Tòng Văn P; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P, xác định anh chị có hai người con chung là cháu Lò Văn Ph và cháu Lò Thị Ph, hiện tại chị D không có thai, chị D có nguyện vọng được nuôi con chung, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu cháu Phương và cháu Phúc là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) trong khi quan hệ chung sống giữa chị D và anh P không thể tồn tại nên cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi con chung. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Phương và cháu Phúc thấy anh P và chị D đều là lao động tự do thu nhập không ổn định, anh P đang đi cai nghiện bắt buộc, từ khi sống ly thân đến nay chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và đang sống ổn định có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và anh P cũng đề nghị giao con chung cho chị D nuôi, theo nguyện vọng cháu Phương và cháu Phúc xin ở với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D và giao con chung là cháu Lò Văn Ph và cháu Lò Thị Ph cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D là tự nguyện nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: chị D và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết theo vụ án.

[6] Về vay nợ chung: chị D và anh P xác định không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: chị Lò Thị D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hộ nghèo; chị D đã có đơn và tài liệu chứng minh đủ điều kiện để được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lò Thị D và anh Tòng Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Văn Ph, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Lò Thị Ph, sinh ngày 28/6/2014 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn.

4. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị D.

5. Đương sự chị Lò Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/4/2025; anh Tòng Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND nơi đăng ký kết hôn, cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Khệt

Quàng Thị Hoả

Nguyễn Văn Hoà